

Bản án số: 149/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 6 - 2023

V/v ly hôn giữa chị T và anh Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đề;

Ông Phạm Văn Lịch.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị T, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 8, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 8, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2023 và bản tự khai, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định ngày 13/01/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh Q tại xóm 8, xã H, huyện H; sau đó cùng vào thành phố Hồ Chí Minh làm kinh tế. Đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không tu chí làm ăn, dẫn đến kinh tế khó khăn, mỗi lần chị góp ý thì anh Q chửi mắng xúc phạm chị. Từ cuối năm 2021 đến nay, chị về Hà Nội bán hàng thuê, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị nhận thấy vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chị xin được giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Phương C, sinh ngày 23/02/2017 và cháu Nguyễn Đình Quang V, sinh ngày 25/02/2020, hiện các con đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi hai con, không yêu

cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang bán hàng Hải sản tại Hà Nội, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Không có nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/4/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh thống nhất với chị T về việc kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng cùng vào thành phố Hồ Chí Minh làm kinh tế được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, bản thân anh chưa cố gắng chăm lo cho gia đình. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không muốn ly hôn, anh muốn chị T cho cơ hội để anh sửa chữa lỗi lầm, vợ chồng cùng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh thống nhất với chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Phương C, sinh ngày 23/02/2017 và cháu Nguyễn Đình Quang V, sinh ngày 25/02/2020. Nếu chị T quyết tâm ly hôn và xin nuôi hai con thì cũng nhất trí, còn nếu chị T không nhận nuôi con thì anh sẽ nuôi hai con và yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có ý kiến xin được giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự trên.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký ngày 13/01/2016 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về kinh tế, không tôn trọng nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh Q xin hòa giải đoàn tụ nhưng cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, đang sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã căng thẳng kéo dài từ nhiều năm nay, các bên không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó nếu tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân là hạnh phúc gia đình cũng không đạt được nên cần giải quyết cho chị T và anh Q được ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị T và anh Q thống nhất có 02 con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Đình Phương C, sinh ngày 23/02/2017 và cháu Nguyễn Đình Quang V, sinh ngày 25/02/2020 hiện đang do chị T nuôi dưỡng. chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con khi ly hôn, anh Q cũng nhất trí. Do đó, tiếp tục giao cháu Nguyễn Đình Phương C và cháu Nguyễn Đình Quang V cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên

không buộc anh Q phải cấp dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Phương C, sinh ngày 23/02/2017 và cháu Nguyễn Đình Quang V, sinh ngày 25/02/2020 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. (Hiện cháu C và cháu V đang ở cùng chị T).

Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Đinh Thị T. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Đinh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006608 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên